TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2018/DS-PT
Ngày: 23-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quản

Các Thẩm phán: Ông Lương Thanh Chín

Ông Nguyễn Hồng Thái

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đặng Xuân Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 64/2018/TLPT-DS ngày 14/8/2018, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 222/2018/QĐ-PT ngày 01/10/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 114/2018/QĐ-PT ngày 10/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Xóm 8, xã P, huyện T, tỉnh B.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1970 và ông Phạm Q, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Khu phố 11, thị trấn H, huyện T, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1960, địa chỉ: Xóm 8, xã P, huyện T, tỉnh B.

Do có kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị K.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt bị đơn bà Nguyễn Thị K; nguyên đơn bà Lê Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phạm Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

- Nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày: Vào năm 2005 vợ chồng bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị K, ông Phạm Q vay 03 cây vàng thẻ SJC, lãi suất 450.000đ/tháng và 02 khoản tiền 30.000.000 đồng, trong đó 15.000.000 đồng, lãi suất 3%/ tháng và 15.000.000 đồng không lãi để vợ chồng bà K sắm thuyền đánh bắt hải sản, 02 bên có ký giấy tờ vay. Sau khi vay, thì đối với số tiền 15.000.000 đồng vay không lãi 02 bên thanh toán xong.

Đến năm 2006, 2007 thì bà K chỉ trả cho bà được 2.000.000 đồng trong tổng số 15.000.000 đồng tiền vay có lãi và 01 cây 06 chỉ vàng SJC, chỉ trả gốc chưa trả lãi cho bà. Còn lại 13.000.000 đồng và 01cây 04 chỉ vàng thẻ SJC.

Ngày 16/01/2007, bà K có mượn thêm 5.000.000 đồng, lãi suất 3%/ tháng. Có trả lãi 04 tháng là 600.000 đồng thì bà K không trả nữa, sau đó bà K làm giấy lại vay tiền thể hiện trong giấy còn nợ bà 13.000.000 đồng và 01 cây 04 chỉ vàng SJC, vậy số tiền vợ chồng bà K còn nợ bà là 18.000.000 đồng và 01 cây 04 chỉ vàng thẻ SJC.

Vợ chồng bà L chỉ yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị K, ông Phạm Q có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng bà 01 cây 04 chỉ vàng thẻ SJC và số tiền: 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) mà vợ chồng bà K còn nợ bà, không yêu cầu tính lãi.

Còn việc bà K khai chỉ còn nợ vợ chồng bà số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) và 01 cây 04 chỉ vàng thẻ SJC và đồng ý hoàn trả sồ tiền vàng này cho vợ chồng bà, bà không đồng ý.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: Khoảng 10 năm trước, vợ chồng bà có ký vay tiền và vàng của vợ chồng bà Lê Thị L để sắm thuyền đánh bắt hải sản. Khi đó bà L làm đầu nậu bao ghe, cụ thể vợ chồng bà vay của bà L 03 cây vàng thẻ SJC, lãi suất 2%/tháng và số tiền 15.000.000 đồng (tiền vay bà L không tính lãi). Sau đó bà có mượn thêm 5.000.000 đồng, cũng không tính lãi suất.

Khi vay mượn 02 bên có làm giấy tờ biên nhận việc vay mượn. Việc vay mượn tiền và vàng ông Phạm Q, sinh năm 1967 có ký vào giấy vay vào năm 2005, thời gian sau khi làm giấy lại thì ông Phạm Q không ký nữa mà chỉ một mình bà ký.

Sau đó bà có trả dần cho bà L được 01 cây 06 chỉ vàng SJC (quy ra tiền trả) và 15.000.000 đồng. Khi trả do tin tưởng nhau nên bà không có lưu giữ giấy tờ trả nợ.

Hiện bà chỉ còn thiếu vợ chồng bà L số tiền 5.000.000 đồng và 01 cây 04 chỉ vàng thẻ SJC, việc này bà đã sang tờ giấy mới giao cho bà L giữ, bà không có giữ giấy này, trong giấy bà có hứa trả 01 năm 01 chỉ vàng, còn tiền thì trả dần đến khi dứt nợ. Nên bà chỉ đồng ý hoàn trả cho bà L số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và 01 cây 04 chỉ vàng thẻ SJC, ngoài ra bà không đồng ý trả thêm các khoản nào khác.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn C trình bày: Ông xác nhận số tiền và vàng mà bà L kiện vợ chồng bà K, ông Phạm Q là tài sản chung của ông và bà L nên ông thống nhất lời trình bày và yêu cầu của bà Lê Thị L, ông không trình bày hay bổ sung gì thêm.

Sau khi hòa giải không thành;

Ngày 03/5/2018, Tòa án nhân dân huyện T đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 11/2018/DS-ST, quyết định, áp dụng: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 357 của Bộ Luật dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị K, ông Phạm Q về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị K, ông Phạm Q phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng bà Lê Thị L, ông Huỳnh Văn C số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) và 01 cây 4 chỉ vàng thẻ SJC (tương đương với 51.270.000 VNĐ).

Về án phí: Vợ chồng bà Nguyễn Thị K, ông Phạm Q phải nộp 3.464.000đ **(**ba triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị L số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0014207 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau:

+ Trường hợp các bên thỏa thuận thì mức lãi suất không vượt quá 20%/năm.

+ Trường hợp các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quy định của Luật thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15/5/2018, bà Nguyễn Thị K kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 11/2018/DS – ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, bà cho rằng chỉ

còn nợ vợ chồng bà L 1 cây 4 chỉ vàng SJC và 5 triệu đồng, không phải là 18 triệu đồng như án sơ thẩm đã tuyên.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm: Tại buổi làm việc ngày 19/9/2018, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được với nhau về nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị K cụ thể: Bị đơn bà Nguyễn Thị K đồng ý trả cho nguyên đơn bà Lê Thị L và ông Huỳnh Văn C tổng số tiền là 11.500.000đồng (mười một triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự tại buổi làm việc ngày 19/9/2018; bị đơn bà Nguyễn Thị K cũng yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa bà và bà L tại biên bản làm việc ngày 19/9/2018.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị K, đề nghị hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Q dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Q. Đối với nguyên đơn bà Lê Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn C đã có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 10/10/2018, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông C.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị K: Tại đơn kháng cáo, bà Nguyễn Thị K yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại khoản tiền mà Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà phải trả cho nguyên đơn với số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) là không đúng bởi vì bà K, ông Phạm Q (chồng bà K) xác định chỉ còn nợ vợ chồng bà L số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Tại biên bản làm việc ngày 19/9/2018, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/10/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đều cho thấy các đương sự đã thống nhất được với nhau về việc giải

quyết yêu cầu kháng cáo của bị đơn, theo đó bị đơn bà Nguyễn Thị K đồng ý trả cho bà Lê Thị L, ông Huỳnh Văn C số tiền 11.500.000 đồng (số nợ vàng không có kháng cáo). Hội đồng xét xử xét thấy: Thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, đồng thời sự thỏa thuận này sẽ có lợi hơn cho ông Phạm Q so với bản án sơ nên mặc dù ông Phạm Q vắng mặt thì quyền lợi của ông cũng được đảm bảo nên hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sẽ công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về yêu cầu kháng cáo của bị đơn và được Tòa án chấp nhận, tuy nhiên các đương sự không thỏa thuận về việc chịu án phí sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm sẽ tính lại án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm, do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 11/2018/DS – ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên toà.

Đối với các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 266, Điều 269, Điều 273, Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:

1. Vợ chồng bà Nguyễn Thị K, ông Phạm Q phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Lê Thị L, ông Huỳnh Văn C số tiền 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm ngàn đồng) và 01 cây 4 chỉ vàng thẻ SJC (tương đương với 51.270.000VNĐ).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau:

+ Trường hợp các bên thỏa thuận thì mức lãi suất không vượt quá 20%/năm.

+ Trường hợp các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà Nguyễn Thị K, ông Phạm Q phải nộp 3.138.500đ (ba triệu một trăm ba mươi tám ngàn năm trăm đồng). Hoàn trả cho bà Lê Thị L số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0014207 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị K số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số 0007249 ngày 18/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (23/10/2018)

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND tỉnh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quản

ÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiệp Hòa **Nguyễn Hồng Thái** **Nguyễn Văn Quản**